

## BẢN CHẤT VÀ CÁC MÔ HÌNH CỦA HỌC TẬP DỰA TRÊN KINH NGHIỆM

Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Hữu Hợp, Nguyễn Thị Cúc  
*Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên*

**Tóm tắt.** Học tập dựa trên kinh nghiệm là một tư tưởng, lí thuyết giáo dục hiện đại, nổi bật trong thế kỉ 20 được đặt nền móng bằng các nhà khoa học giáo dục hàng đầu trên thế giới như Lev Vygotsky, John Dewey, Kurt Lewin, Jean Piaget, David A Kolb, và những nhà giáo dục khác. Trong bài báo này, chúng tôi sẽ đi phân tích về bản chất và mô hình của học tập dựa trên kinh nghiệm trong các nghiên cứu của một số nhà giáo dục trên.

**Từ khóa:** Experiential Learning, Model of Experiential Learning.

### 1. Mở đầu

Học tập dựa trên kinh nghiệm (*Experiential Learning*) là một tư tưởng, lí thuyết giáo dục hiện đại, nổi bật trong thế kỉ 20 được đặt nền móng bằng các nhà khoa học giáo dục hàng đầu trên thế giới như Lev Vygotsky, John Dewey, Kurt Lewin, Jean Piaget, David A Kolb, và những nhà giáo dục khác [3, 4]. Học tập dựa trên kinh nghiệm đóng một vai trò trung tâm trong lí thuyết về học tập và phát triển con người, nó cung cấp các mô hình về quá trình học tập từ kinh nghiệm, trở thành xu hướng, nền tảng giáo dục trong thế kỉ 21. Có một sự tình cờ khá thú vị, các nhà khoa học giáo dục đều đi đến một quan điểm chung, đó là việc sử dụng thuật ngữ “học tập dựa trên kinh nghiệm” cho tất cả nghiên cứu của mình. Chúng ta sẽ tự đặt ra câu hỏi, *bản chất của học tập dựa trên kinh nghiệm trong các công trình nghiên cứu của các nhà giáo dục là gì? Liệu có mối quan hệ biện chứng nào đó giữa các mô hình học tập dựa trên kinh nghiệm của các nhà giáo dục này hay không?* Các câu hỏi đó sẽ được chúng tôi làm sáng tỏ trong bài báo này.

### 2. Nội dung nghiên cứu

#### 2.1. Trao đổi về thuật ngữ “Experiential Learning – Học tập dựa trên kinh nghiệm”

Chúng ta vẫn thường bắt gặp thuật ngữ “Experiential Learning” được hiểu với nhiều tên khác nhau trong các tài liệu viết bằng tiếng Việt như: Học tập trải nghiệm, Học tập

qua trải nghiệm. Học tập dựa trên kinh nghiệm. Vậy, hiểu thế nào cho đúng về thuật ngữ “Experiential Learning”?

Trong từ điển tiếng Anh, thuật ngữ “Experience” theo danh từ có nghĩa là kinh nghiệm, ví dụ như: to lean by experience – học tập qua kinh nghiệm, to know something from experience - do kinh nghiệm mà biết được điều gì, ... Ngoài ra, “Experience” còn là một ngoại động từ được hiểu là trải qua, kinh qua, ví dụ như: to experience harsh trials – trải qua những thử thách gay go. Với tính từ, ta có thuật ngữ “Experiential” nghĩa là dựa trên kinh nghiệm, theo kinh nghiệm, như vậy, thuật ngữ “Experiential Learning” nên hiểu là Học tập dựa trên kinh nghiệm.

Theo Từ điển Wikipedia, kinh nghiệm (Experience) là bao hàm kiến thức hoặc kỹ năng mà người học đã đạt được thông qua việc tham gia vào hoặc tiếp xúc đến sự vật hoặc sự kiện đó [6]. Nguồn gốc của từ kinh nghiệm được sắp xếp ở phía sau của trải nghiệm, thử nghiệm (Experiment). Vì thế, kinh nghiệm sẽ đạt được qua trải nghiệm, thử nghiệm. Trải nghiệm (Experiment) thường đi đến một sự hiểu biết về sự vật, sự kiện nào đó. Trong khi đó, kinh nghiệm (Experience) là khái niệm mang tính tổng quát, bao hàm sự hiểu biết về các sự vật hoặc sự kiện do trải nghiệm có được, và đề cập đến con đường, cách thức đưa đến sự trải nghiệm diễn ra như thế nào. Như vậy, trải nghiệm chỉ là một giai đoạn giúp người học đúc kết ra kinh nghiệm mà thôi.

## 2.2. Bản chất của học tập dựa trên kinh nghiệm

Để có thể hiểu rõ bản chất về học tập dựa trên kinh nghiệm, trước hết chúng ta cần phải hiểu về bản chất học tập. Bởi lẽ việc học tập ở con người được thực hiện dưới rất nhiều hình thức và mô hình học tập khác nhau, và học tập dựa trên kinh nghiệm cũng chỉ là một loại trong số đó. Bản chất học tập chính là sự tiếp nhận kinh nghiệm và giá trị xã hội bằng hoạt động động cá nhân trong môi trường xã hội (cá nhân hóa kinh nghiệm xã hội, hay còn gọi là chuyển vào trong – interiorization) và phát triển kinh nghiệm đó ở chính mình để phát triển chính mình (xã hội hóa cá nhân bằng kinh nghiệm xã hội, hay còn gọi là chuyển ra ngoài – Exteriorization) trở thành thành viên của xã hội, qua đó góp phần phát triển xã hội [2]. Bản chất học tập này cho ta thấy, việc học tập luôn luôn bao gồm hai hoạt động cơ bản: 1/ Cá nhân hóa kinh nghiệm xã hội; 2/ Xã hội hóa cá nhân bằng kinh nghiệm xã hội.

Nghiên cứu của Jean Piaget về cấu trúc của quá trình nhận thức đã chỉ ra rằng, trí tuệ người học không trống rỗng và nhận thức của người học ở bất cứ cấp độ nào đều thực hiện các thao tác trí tuệ thông qua hai quá trình đồng hóa (assimilation) và điều ứng (accomodtion) [3]. Đồng hóa chính là quá trình học tập thông qua cơ chế biểu tượng, trừu tượng khái niệm dựa trên hoạt động quan sát, phản ánh của cá nhân về kinh nghiệm xã hội, đây chính là hoạt động cá nhân hóa kinh nghiệm xã hội. Điều ứng là quá trình học tập bằng các hoạt động trí tuệ, thể chất của chủ thể nhằm tìm kiếm giải pháp, con đường giải quyết vấn đề trong thực tiễn bằng vốn tri thức của cá nhân, đây chính là hoạt động xã hội hóa cá nhân bằng kinh nghiệm xã hội. Quan niệm của Jean Piaget chỉ ra cho ta thấy

rằng, người học luôn có một vốn kinh nghiệm cá nhân nhất định đặc trưng bằng năng lực giải quyết vấn đề độc lập ở dạng tiềm năng.

Lev Vygotsky cho rằng, giữa tri thức đã biết (kinh nghiệm đã có) và tri thức mới (cái chưa biết, cần lĩnh hội) hoàn toàn có một cây cầu nối giữa hai vùng này và nó được xây dựng bằng chính kinh nghiệm cá nhân của người học. Từ quan niệm này, xuất phát từ khoa học phát triển con người của mình, Lev Vygotsky đã đề xướng lí thuyết về Vùng cận phát triển (Zone of Proximal Development) đặt nền móng vô cùng quan trọng trong dạy học và giáo dục hiện đại ngày nay. Vùng cận phát triển ám chỉ một khu vực nằm giữa sự phát triển năng lực (dạng tiềm năng) đặc trưng bằng năng lực giải quyết vấn đề (ở quá khứ) và sự phát triển hiện tại đặc trưng bằng năng lực giải quyết vấn đề độc lập, khu vực này chứa những kinh nghiệm cá nhân của người học [1].

Vùng cận phát triển cho thấy rằng, mỗi cá nhân đều có kinh nghiệm làm nền tảng, ở dạng tiềm năng của mỗi cá nhân có được thông qua hoạt động học tập, sự trải nghiệm và có cả yếu tố di truyền. Học tập là quá trình đưa kinh nghiệm cá nhân vào tương tác với môi trường học tập, từ đó tiềm năng kinh nghiệm được huy động ra để xây dựng tri thức cho bản thân thông qua hoạt động trải nghiệm của chính họ. Sự chia sẻ, thứ trách trong khi tương tác với môi trường học tập giúp cá nhân phát triển nên trình độ mới, cao hơn. Qua đó, người học phản ánh với kinh nghiệm hiện tại của họ, và điều chỉnh, làm phong phú kinh nghiệm nền tảng để kiến tạo tri thức tiếp theo. Như vậy, học tập sẽ làm thay đổi Vùng cận phát triển của mỗi cá nhân sau mỗi quá trình kiến tạo tri thức.

Những phân tích trên cho thấy, bản chất của việc học tập dựa trên kinh nghiệm luôn luôn coi vốn kinh nghiệm cá nhân chính là cơ sở cho việc nhận thức thế giới, và sự nhận thức tối ưu sẽ diễn ra tại Vùng cận phát triển của mỗi cá nhân. Học tập là quá trình kiến tạo tri thức liên tục ở người học xảy ra theo hai cơ chế đồng hóa và điều ứng, tri thức người học thu nhận được sẽ mở rộng sự hiểu biết, làm thay đổi Vùng cận phát triển, làm phong phú kinh nghiệm cá nhân ở người học, kinh nghiệm mới này sẽ là cơ sở cho việc nhận thức các sự vật, sự kiện mới trong thế giới hiện thực khách quan, thúc đẩy sự phát triển trí tuệ ở người học.

Việc nghiên cứu quá trình học tập dựa trên kinh nghiệm đang được nhiều nhà giáo dục quan tâm nghiên cứu, có thể chỉ ra một số đại diện tiên phong như Dewey (1939), Kolb (1984), Powell và Wells (2002), ... Trong phần 2.3, sẽ trình bày một số nghiên cứu tiêu biểu về quá trình học tập dựa trên kinh nghiệm của một số nhà giáo dục.

## **2.3. Các mô hình của học tập dựa trên kinh nghiệm**

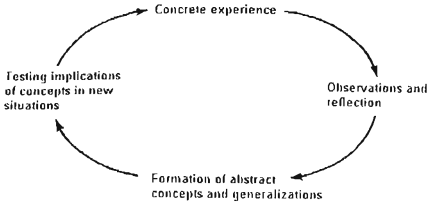
### **2.3.1. Mô hình nghiên cứu hành vi của Lewin (Lewin's Model of Action Research)**

Kurt Lewin là một nhà tâm lí học, được biết đến như là người tiên phong trong lĩnh vực tâm lí xã hội, tâm lí tổ chức và ủng hộ tâm lí học Gestalt. Lewin là một trong những người đầu tiên nghiên cứu về sự năng động của nhóm (group dynamics) và phát triển tổ chức (organizational development). Các nguyên tắc hoạt động của tâm lí học Gestalt coi

bộ não là toàn diện, song song, và tương tự, với xu hướng tư tổ chức. Nguyên tắc cho rằng mắt người nhìn thấy các đối tượng trong toàn bộ của nó trước khi nhận thức các bộ phận riêng lẻ, cho thấy toàn bộ là lớn hơn tổng của các bộ phận của nó. Hơn nữa, toàn bộ được dự đoán khi các bộ phận không tích hợp với nhau. Nhà tâm lý học Gestalt cho rằng nhận thức là sản phẩm của sự tương tác phức tạp giữa các kích thích khác nhau. Tâm lý học Gestalt đặt nền móng cho nhận định của Lewin khi nghiên cứu về tâm lý học tổ chức tin rằng, mọi người nhận thức tốt nhất khi có sự mâu thuẫn, căng thẳng giữa suy nghĩ riêng rẽ và kinh nghiệm cụ thể của họ. Và khi nhận lời thách thức của các thành viên khác trong nhóm thì bản thân họ sẽ phải thể hiện, hành động, theo đuổi, sự hiểu biết của mình. Điều này chính là hệ quả của Phương trình Lewin (Lewin's equation) – Phương trình về các yếu tố biến đổi hành vi của con người được đưa ra trong cuốn sách của ông với tiêu đề "Principles of Topological Psychology" vào năm 1936, Kurt Lewin". Phương trình Lewin có nội dung:  $B = f(P, E)$  [5].

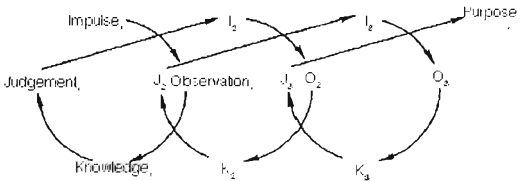
Trong đó, B (Behavior) là hành vi của con người; P (Person) là đặc điểm chủ thể/cá nhân con người tương tác với các yếu tố, môi trường của nhóm; E (Environment) là các thành viên của nhóm, là môi trường xung quanh như ban bè, gia đình, cộng đồng. .. Kết luận của Lewin khẳng định, hành vi của con người là là một hàm số của cá thể đó và môi trường xung quanh. Trong phương trình này, P là yếu tố khó thay đổi nhất, bởi lẽ mỗi người một tính cách, mỗi người một sở thích, cá tính khác nhau mà không thể áp đặt. Do đó, muốn thay đổi hành vi của họ, ta phải thiết kế môi trường E có đủ kích thích, hứng thú, đủ điều kiện để họ thay đổi hành vi. Từ đây, Lewin đề xuất nên mô hình nghiên cứu quá trình thay đổi hành vi bao gồm bốn giai đoạn: Kinh nghiệm cụ thể (concrete experience), Quan sát và phản ánh (observations and reflections), Hình thành khái niệm trừu tượng và khái quát (formation of abstract concepts and generalizations), và Kiểm tra tác động của khái niệm trong tình huống mới (testing implications of concepts in new situations) được thể hiện trong Hình 1. Mô hình này được còn gọi với tên là mô hình học tập dựa trên kinh nghiệm của Lewin (The Lewinian Experiential Learning Model).

Trong mô hình này, ngay lập tức Kinh nghiệm cụ thể là thành tố cơ bản cho hoạt động Quan sát và phản ánh. Phản ánh là sự đồng hóa (so sánh) vào trong lý thuyết về những tác động cho hành vi được suy luận. Các suy luận, giả thuyết sau đó sẽ được lập kế hoạch, thực hiện để tạo ra kinh nghiệm mới. Mô hình này đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của hai khía cạnh là Kinh nghiệm cụ thể (concrete experience) và thông tin Phản hồi (feedback). Khía cạnh thứ nhất, kinh nghiệm cụ thể của cá nhân là đầu mối cho học tập, cho cuộc sống, và chú quan của mỗi người về ý nghĩa khái niệm trừu tượng, khái niệm mới sẽ được xem xét cho việc kiểm tra tác động và hiệu quả của ý tưởng trong quá trình học tập. Khía cạnh thứ hai, nghiên cứu hành vi là dựa trên quá trình phản hồi, thông tin phản hồi cung cấp các đánh giá tác động của hành vi và định hướng mục tiêu hành vi tiếp theo. Mô hình của Lewin góp phần vai trò rất lớn trong việc tổ chức hành vi học tập của Kolb. Mô hình học tập trải nghiệm của Kolb cấu trúc giống với mô hình nghiên cứu hành vi của Lewin.



Hình 1: Mô hình nghiên cứu hành vi của Lewin (Lewin's Model of Action Research) [4]

### 2.3.2. Mô hình học tập dựa trên kinh nghiệm của Dewey (Dewey's Model of Experiential Learning)



Hình 2: Mô hình học tập dựa trên kinh nghiệm của Dewey (Dewey's Model of Experiential Learning) [4]

John Dewey là một nhà triết gia, nhà tâm lý học và cải cách giáo dục mà tư tưởng của ông đã có ảnh hưởng lớn trong giáo dục và cải cách xã hội, là một người theo triết lý của chủ nghĩa thực dụng. Mặc dù hoạt động ở nhiều lĩnh vực khác nhau nhưng tên tuổi Dewey được nhắc đến nhiều nhất trong các ấn phẩm liên quan đến giáo dục, đương nhiên ông cũng viết nhiều tác phẩm về các chủ đề khác như thẩm mỹ, nghệ thuật, lý thuyết xã hội, ... Về giáo dục, Dewey có niềm tin rằng, người học sẽ học tập hiệu quả nhất trong một môi trường cho phép họ trải nghiệm và tương tác với môi trường dạy học và tất cả người học phải có cơ hội tham gia vào việc học của mình. Trong cuốn sách "Kinh nghiệm và giáo dục (Experience and Education)" xuất bản năm 1938 của mình, Dewey cho rằng, người học (từ nhà trẻ cho đến đại học) không phải là ngôi nhà trống rỗng chờ đợi được làm đầy kiến thức. Thay vào đó, ông cho rằng người học nhận thức dựa trên thực tế thông qua tư duy lý luận, và học tập dựa trên kinh nghiệm chính là cây cầu nối giữa lý thuyết với thực hành, thực tế. Mô hình học tập của Dewey bao gồm có Xung (Impulse), Quan

sát (Observation), Kiến thức (Knowledge) và Phán xét (Judgment) sắp xếp trong một chu trình kéo dài cho đến khi tất cả các thông tin đã được học hay người học đạt được mục đích học tập. Mô hình học tập của Dewey được thể hiện trong hình 2

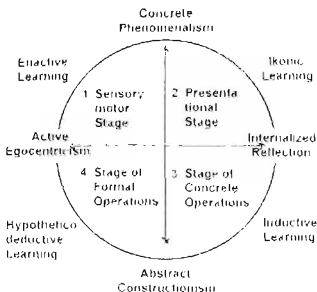
Mô hình học tập của Dewey là gần giống tương tự với mô hình của Lewin, ông làm rõ ràng hơn về việc áp dụng học tập theo mô hình của Lewin bằng mô tả cách học tập biến đổi xung, cảm xúc và mong muốn của kinh nghiệm cụ thể vào trong mục đích hành vi. Sự thúc đẩy của kinh nghiệm làm nảy sinh các ý tưởng, các ý tưởng sẽ định hướng cho xung tác động. Quan sát và phán đoán sẽ được thực hiện sau mỗi xung tác động nhằm can thiệp và điều chỉnh hành động nhằm hướng đến mục đích học tập. Mô hình của Dewey cung cấp một khuôn mẫu cho chu trình học tập dựa trên kinh nghiệm của Kolb.

### 2.3.3. Mô hình học tập và phát triển nhận thức của Piaget (Piaget's Model of Learning and Cognitive Development)

Jean Piaget là người Thụy Sĩ, một nhà tâm lý học phát triển và nhà triết học nổi tiếng. Piaget dành mỗi quan tâm lớn, tầm quan trọng lớn đối với giáo dục trẻ em. Lí thuyết nhận thức của Piaget là một lí thuyết toàn diện về bản chất và phát triển của trí tuệ con người, nội dung của nó đề cập đến bản chất của bản thân kiến thức và cách thức con người dần dần tiếp cận, kiến tạo và sử dụng nó. Piaget đặc biệt tập trung vào quá trình đồng hóa (Assimilation) và điều tiết (accommodation) để giải thích về con đường phát triển nhận thức. Theo ông, trẻ em xây dựng sự hiểu biết về thế giới xung quanh, sau đó trải nghiệm sự khác biệt giữa những gì chúng đã biết và những gì chúng khám phá trong môi trường xung quanh. Piaget cho rằng, một đứa trẻ sẽ đi qua bốn giai đoạn phát triển nhận thức bao gồm: Cảm giác vận động (Sensorimotor), Trước hoạt động (Pre-Operational), Hoạt động cụ thể (Concrete Operational), và Hoạt động chính thức (Formal Operations). Mô hình học tập và phát triển nhận thức của Piaget được thể hiện trên hình 3. Trong mô hình này, quá trình học tập diễn ra sự phát triển là một chu trình tương tác giữa cá nhân và môi trường, điều này tương tự như mô hình học tập của Dewey và Lewin.

Giai đoạn 1 – Cảm giác vận động là giai đoạn đầu tiên trong bốn giai đoạn phát triển nhận thức, kéo dài từ sơ sinh đến 2 năm tuổi. Trong giai đoạn này, trẻ xây dựng kiến thức và sự hiểu biết về thế giới bằng việc phối hợp các trải nghiệm (nhìn, nghe) với các tương tác vật lý vào đối tượng (như nắm, đẩy, bú, mút). Học tập là các hoạt động thể chất chủ yếu thông qua xúc giác, sờ mó, và xử lí mà nó thực hiện trong thế giới thông qua cơ chế kích thích và phản ứng. Trẻ tiến bộ từ các hành vi phản xạ, bản năng từ lúc sinh đến lúc bắt đầu hướng đến suy nghĩ biểu tượng ở cuối giai đoạn.

Giai đoạn 2 - Trước hoạt động (2-6 tuổi), bắt đầu từ khi đứa trẻ bắt đầu học nói và kéo dài cho đến bảy tuổi. Trong giai đoạn này, đứa trẻ có thể hình thành khái niệm ổn định, hình ảnh tinh thần và niềm tin ảo tưởng, tuy nhiên lại không có khả năng thực hiện các hoạt động này theo trí óc mà thay vào đó là các phản xạ thể chất. Vì thế, giai đoạn này được gọi là giai đoạn trước hoạt động. Học tập là các trò chơi mang tính biểu tượng (iconic) chủ yếu trong tự nhiên thông qua sự vận dụng, thao tác của quan sát và hình ảnh,



**Hình 3: Mô hình học tập và phát triển nhận thức của Piaget (Piaget's Model of Learning and Cognitive Development) [3]**

khái niệm trong trí óc. Giai đoạn trước hoạt động được chia thành hai giai đoạn nhỏ: chức năng biểu tượng, và trực quan suy nghĩ. Chức năng biểu tượng (khoảng 2-4 tuổi) là khi trẻ em có thể hiểu được, miêu tả, ghi nhớ và họa hình các đối tượng trong trí tuệ của nó mà không có đối tượng trước mặt. Trực quan suy nghĩ (khoảng 4-7 tuổi) là khi trẻ em có xu hướng đề xuất các câu hỏi "tại sao?" và "như thế nào đến?". Giai đoạn này là khi trẻ muốn hiểu biết kiến thức về tất cả mọi thứ.

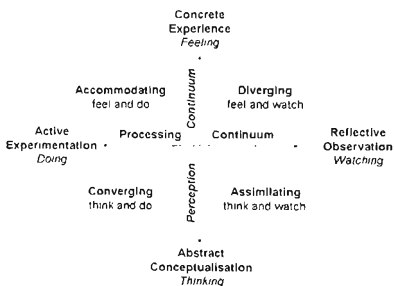
Giai đoạn 3 – Hoạt động cụ thể (khoảng từ 7-11 tuổi), quá trình suy nghĩ của một đứa trẻ trưởng thành hơn, tuy nhiên, tư duy trừu tượng, giả thuyết chưa phát triển, và trẻ chỉ có thể giải quyết vấn đề qua việc áp dụng các kinh nghiệm về sự kiện và đối tượng cụ thể. Ví dụ như trẻ bắt đầu học các phép toán công, trừ thông qua việc sử dụng que tính, phép nhân qua bảng cửu chương. Môi trường học tập tác động khiến trẻ chuyển từ tính hiếu kỳ, tò mò sang ham hiểu biết, hứng thú khám phá. Học tập trong giai đoạn này là được điều chỉnh bởi trật tự của lớp học và các mối quan hệ, giao tiếp. Bước đầu kiểm chế tính hiếu động, bột phát để chuyển thành tính kỉ luật, nề nếp, chấp hành nội quy học tập. Trong giai đoạn cảm giác vận động, chu trình học tập được chiếm ưu thế bởi quá trình điều ứng thì trong giai đoạn hoạt động cụ thể là quá trình đồng hóa nhiều hơn trong chu trình học tập.

Giai đoạn 4 – Hoạt động chính thức (khoảng từ 11 tuổi đến 15-20 tuổi), con người chuyển từ quá trình phát triển biểu tượng dựa vào hoạt động cụ thể sang quá trình phát triển biểu tượng của lí luận khoa học (khả năng giả thuyết và suy luận). Trong giai đoạn này, người học phát triển khả năng tư duy khái niệm hóa. Người học phát triển khả năng nhận biết tác động của lí thuyết, hậu quả của hành động, và tiến hành trải nghiệm để kiểm tra tính đúng đắn của lí thuyết đó. Khả năng tư duy lí luận cho phép duy trì sự tập trung,

suy nghĩ, theo dõi, và giải quyết vấn đề thông qua trải nghiệm có hệ thống, có phương pháp. Piaget ý tưởng rằng, kiến thức không phải là bẩm sinh, mà là một sản phẩm của hành động. Quan điểm này tạo thành một thành phần chính trong lý thuyết học tập dựa trên kinh nghiệm của Kolb.

### 2.3.4. Mô hình học tập dựa trên kinh nghiệm của Kolb (Kolb's Model of Experiential Learning)

David A. Kolb là một nhà lý luận giáo dục người Mỹ, các ấn phẩm, tạp chí của ông chủ yếu tập trung vào lĩnh vực học tập dựa trên kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp, giáo dục cho người lớn. Khi nghiên cứu về học tập dựa trên kinh nghiệm, Kolb tin rằng, phong cách học tập của mỗi người là kết quả từ một tương tác giữa đặc điểm bên trong một cá nhân và môi trường, hoàn cảnh bên ngoài của họ nhằm thu nhận và xử lý thông tin trong các tình huống học tập. Đây chính là nền tảng tư tưởng để ông phát triển mô hình học tập dựa trên kinh nghiệm, và mối quan hệ của nó với phong cách học tập của mỗi cá nhân. Mô hình học tập dựa trên kinh nghiệm của Kolb được thể hiện trên Hình 4.



Hình 4: Mô hình học tập dựa trên kinh nghiệm của Kolb (Kolb's Model of Experiential Learning) [4]

Trong mô hình này, Kolb kế thừa gần như hoàn toàn theo cách tổ chức của mô hình phát triển nhận thức của Piaget, bao gồm bốn giai đoạn phát triển tương ứng với bốn giai đoạn trong mô hình của Piaget: Cảm giác vận động (Sensorimotor), Trước hoạt động (Pre-operational), Hoạt động cụ thể (Concrete operational), và Hoạt động chính thức (Formal operations). Mỗi giai đoạn mô tả một cách thức nắm bắt kiến thức và chuyển đổi kiến thức.

1- Giai đoạn thứ nhất tương ứng với giai đoạn Cảm giác vận động (Sensorimotor) của Piaget – Học tập là các hoạt động thể chất của chủ thể nhằm tìm kiếm giải pháp, con



đường giải quyết vấn đề trong thực tiễn bằng vốn tri thức của cá nhân. Kolb gọi giai đoạn phụ thứ nhất là Điều ứng (Accommodative).

2- Giai đoạn thứ hai tương ứng với giai đoạn Trước hoạt động (preoperational) của Piaget – Học tập là thông qua các biểu tượng cụ thể trong tự nhiên thông qua sự vận dụng, thao tác của quan sát và phản ánh hình ảnh, khái niệm trong trí óc. Kolb gọi giai đoạn thứ hai là Phân kì (Divergent).

3- Giai đoạn thứ ba tương ứng với giai đoạn Hoạt động cụ thể (Concrete operational) của Piaget – Học tập là thông qua cơ chế biểu tượng, trừu tượng khái niệm dựa trên phản ánh. Kolb gọi giai đoạn thứ ba là Đồng hóa (Assimilative).

4- Giai đoạn thứ tư tương ứng với giai đoạn Hoạt động chính thức (Formal operations) của Piaget – Học tập là thông qua giả thuyết và lí luận về một vấn đề. Kolb gọi giai đoạn thứ tư là Hội tụ (Convergent).

Bản chất của mô hình học tập dựa trên kinh nghiệm của Kolb (hình 4) là một vòng xoắn ốc mở tá quá trình học tập gồm bốn giai đoạn cơ bản, phù hợp với bốn phong cách học tập bao gồm: 1/ Kinh nghiệm cụ thể (Concrete Experience), 2/ Quan sát phản ánh (Reflective Observation), 3/ Trừu tượng khái niệm (Abstract Conceptualisation), 4/ Thử nghiệm (Active Experimentation). Theo hình 4, học tập sẽ xuất phát từ một mâu thuẫn giữa Kinh nghiệm cụ thể và Khái niệm trừu tượng, hiểu đơn giản thì đó chính là mâu thuẫn cái đã biết và cái chưa biết. Khi giải quyết mâu thuẫn này, mỗi người học có thể thích sử dụng Khái niệm trừu tượng hoặc kinh nghiệm cụ thể. Người học nào thích sự bao quát, nhận thức vấn đề sẽ ưa thích "Suy nghĩ - Thinking", trong khi người nào thích sự rõ ràng, hiểu rõ vấn đề sẽ ưa thích "Cảm xúc - Feeling" khi bày tỏ, trình diễn một kinh nghiệm trong học tập. Hai cách thức chuyển đổi ý nghĩa đúc rút từ kinh nghiệm là Thử nghiệm và Quan sát phản ánh, người học có thể thích sử dụng Thử nghiệm hoặc Phản ánh. Người học nào thích sự mở rộng, hiểu ngoại diên vấn đề sẽ ưa thích "Làm - Doing", trong khi người nào thích nội hàm, nội dung vấn đề sẽ ưa thích "Xem- Watching" khi cố gắng để áp dụng ý nghĩa của trải nghiệm.

Theo mô hình học tập của Kolb, quá trình học tập lí tưởng thì người học phải đi qua tất cả bốn phương thức này nhằm giải quyết vấn đề trong tình huống học tập thì sẽ đạt hiệu quả học tập cao nhất. Bản thân mỗi cá nhân sẽ nỗ lực, cố gắng sử dụng, tiếp cận cả bốn phương thức này, tuy nhiên, họ thường có xu hướng phát triển, chiếm ưu thế về một phương thức nắm bắt kinh nghiệm, và một phương thức chuyển đổi kinh nghiệm.

### **3. Kết luận**

Học dựa trên kinh nghiệm được xem như là một lí thuyết học tập quan trọng, đặt nền móng cho nền giáo dục hiện đại, và được các nhà giáo dục phát triển thành các mô hình về quá trình học tập từ kinh nghiệm. Các mô hình học tập này đều thống nhất quan điểm rằng, vốn kinh nghiệm của cá nhân rất có giá trị, học tập là quá trình đưa kinh nghiệm cá nhân vào tương tác với môi trường học tập, từ đó kiến tạo tri thức cho bản thân

thông qua hoạt động trải nghiệm của chính họ. Nghiên cứu này đã mở ra tiềm năng, hướng phát triển của học tập dựa trên kinh nghiệm trong từng lĩnh vực, chuyên ngành cụ thể.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phạm Văn Hải, 2013. *Bản chất và đặc trưng của lý thuyết dạy học kiến tạo*. Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội số 58, Hà Nội.
- [2] Đặng Thành Hưng, Trịnh Thị Hồng Hà, Nguyễn Khải Hoàn, Trần Vũ Khánh, 2012. *Lý thuyết phương pháp dạy học*. Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.
- [3] Jean Piaget, 2001. *Tâm lý học và giáo dục học*. Trần Nam Lương, Phùng Đê, Lê Thị dịch. NXBGD, Hà Nội
- [4] Kolb, D, 1984. *Experiential learning: Experience as the source of learning and development*. Englewood Cliffs, N.J: Prentice-Hall.
- [5] [Http://en.wikipedia.org/wiki/Lewin's\\_equation](http://en.wikipedia.org/wiki/Lewin's_equation)
- [6] [Http://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh\\_ngh%C3%A9](http://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh_ngh%C3%A9)

### ABSTRACT

#### The Essence and Models of Experiential Learning

Experiential Learning is a modern educational theory that was prominent in the 20th century and was grounded by the leading science educators around the world, including Lev Vygotsky, John Dewey, Kurt Lewin, Jean Piaget and David A Kolb. In this paper we analyze the nature and model of Experiential Learning in some researches of these educators.